

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2025/DS-ST
Ngày: 14-8-2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Cao Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng;

Ông Lê Văn Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 393/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2024/QĐXXST-DS ngày 12-12-2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc B, sinh năm: 1969.

Ông Lâm Văn G, sinh năm: 1963.

Cùng nơi cư trú: Tổ 10, ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, Tây Ninh.

Bà Phan Thị Ngọc B có mặt, ông Lâm Văn G có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1971;

Chị Phạm Thị Tiêu P, sinh năm: 1991;

Cùng nơi cư trú: Tổ 8, ấp Trà Sim, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị Phạm Thị Tiêu P có mặt; ông Lâm Văn G có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc B và ông Lâm Văn G trình bày:

Ông T và vợ chồng bà B, ông G trước nay quen biết với nhau qua việc mua bán phân bón. Nhà bà B, ông G là đại lý phân bón, còn ông T là người mua phân bón để trồng các loại cây hoa màu hàng năm từ khoảng năm 2005 đến năm 2016. Do có quen biết nhau nên vợ chồng bà B, ông G có cho ông T vay mượn tiền như sau:

Ngày 25/10/2014(AL) tức ngày 10/12/2014 DL, ông T mượn 50.000.000 đồng lo xoay xở làm ăn, hẹn khoảng 04 đến 5 tháng trả lại theo giấy tay ký xác nhận.

Ngày 10/12/2016 (AL) tức ngày 07/01/2017 DL, ông T thiếu nợ tiền mua diêm số tiền 164.963.000 để trồng hàng bông, có làm giấy tay xác nhận nợ đến ngày lên vụ trả nợ cho tôi nhưng rồi lên vụ vẫn không trả được.

Ngày 08/06/2023 ông T và con gái ông T là P đến mượn số tiền 880.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, nhưng đến nay vẫn không trả nợ. Vì nghĩ ông T trước nay đã quen biết nhau, và cũng đã mấy lần cho ông T mượn tiền để đáo hạn ngân hàng xong, ông T đều vay trả lại cho theo đúng thỏa thuận, nên ông bà mới tin tưởng giúp ông T đáo hạn ngân hàng lần này, nhưng sau khi trả nợ xong cho ngân hàng thì lại ông T, chị P không vay lại mà trả, mà còn trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Tổng số tiền mà ông T và con gái ông T là P mượn là 1.094.963.000 đồng.

Ngày 29/06/2020 ông T trả được 70.000.000 đồng, ngày 06/07/2021 ông T trả được 50.000.000 đồng. Tổng cộng 2 lần trả được 120.000.000 đồng. Cả 02 lần trả nợ này đều trả cho các khoản vay ngày 25/10/2014(AL) tức ngày 10/12/2014 DL và ngày 10/12/2016 (AL) tức ngày 07/01/2017 DL. Đối với khoản vay 880.000.000 đồng mà ông T và chị P vay để đáo hạn ngân hàng thì chưa trả được khoản gốc và lãi nào.

Số nợ còn lại của cả 03 khoản vay là: 974.963.000 đồng, ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông T và chị P trả nợ cho ông bà, nhưng ông T và chị P cứ hứa hẹn hết lần này, đến lần khác nhưng vẫn không giải quyết trả nợ.

Nay ông bà yêu cầu ông T và chị P có trách nhiệm liên đới trả số tiền 974.963.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 8/6/2023 đến ngày giải quyết xong vụ án theo mức lãi 0,83%/tháng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Ngoài khoản nợ này ông T và chị P không còn nợ khoản tiền nào khác.

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày: Ông thừa nhận và đồng ý với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Ông và ông G, bà B là bạn làm ăn mua

bán với nhau, do cần tiền nên ông có vay tiền của bà B, ông G nhiều lần theo đúng như lời bà B trình bày. Chữ ký và chữ viết tên trong các giấy mượn tiền mà bà B và ông G cung cấp cho Toà án, đúng là chữ ký và chữ viết tên của ông và chị P là con gái của ông.

Do làm ăn bị thất bại và do làm giấy tờ đất chưa được nên chưa có điều kiện kinh tế để trả hết tiền cho bà B và ông G. Nay ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà B, ông G. Ông đồng ý liên đới cùng với chị P là con gái ông trả cho bà B, ông G số tiền 974.963.000 đồng tiền vay gốc và không đồng ý trả lãi vì gia đình ông đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

Ông không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào khác tính đến ngày hôm nay.

Bị đơn chị Phạm Thị Tiểu P trình bày: thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà B, ông G và của cha chị là ông T. Chữ ký và chữ viết tên trong giấy nhận tiền mượn và cam kết trả nợ ngày 08/6/2023 mà bà B, ông G cung cấp cho Toà án là chữ ký, và chữ viết tên của chị. Do giấy tờ đất của cha chị chưa làm thủ tục sang tên qua cho chị được nên chị chưa có điều kiện đi vay ngân hàng để trả tiền cho bà B, ông G.

Nay chị đồng ý liên đới cùng với ông T là cha của chị, trả cho bà B, ông G số tiền 974.963.000 đồng tiền vay gốc, không đồng ý trả lãi theo mức 0,83%/tháng theo yêu cầu của bà B vì gia đình chị đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

Chị không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào khác tính đến ngày hôm nay.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tiểu P liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị Ngọc B và ông Lâm Văn G số tiền 974.963.000 đồng, nhưng do để tạo điều kiện cho ông T và chị P trả nợ bà B chỉ yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng số tiền 880.000.000 đồng từ ngày ngày 8/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/01/2025.

- Bị đơn chị Phạm Thị Tiểu P đồng ý liên đới cùng với ông T là cha của chị trả cho bà B, ông G số tiền 974.963.000 đồng tiền vay gốc, không đồng ý trả lãi theo mức 0,83%/tháng theo yêu cầu của bà B vì gia đình đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tiểu P liên

đổi hoàn trả cho bà Phan Thị Ngọc B và ông Lâm Văn G số tiền 974.963.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Phan Thị Ngọc B và ông Lâm Văn G chỉ yêu tính lãi suất 0,83%/tháng số tiền 880.000.000 đồng từ ngày ngày 08/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/01/2025.

- Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lâm Văn G và bị đơn ông Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông G và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tiểu P liên đới hoàn trả số tiền 974.963.000 đồng, nhưng do để tạo điều kiện cho ông T và chị P trả nợ chỉ yêu cầu chỉ yêu tính lãi suất 0,83%/tháng số tiền 880.000.000 đồng từ ngày vay 08/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/01/2025.

Bị đơn ông Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tiểu P thừa nhận khoản nợ nói trên, đồng ý liên đới cùng nhau trả cho bà B, ông G số tiền 974.963.000 đồng tiền vay gốc. Tuy nhiên không đồng ý trả lãi theo mức 0,83%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn vì gia đình đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

[3] Xét thấy: việc G dịch vay tiền và nợ tiền mua bán phân bón giữa các bên là có thật, thể hiện bằng các giấy nợ: ngày 25/10/2014(AL) tức ngày 10/12/2014 DL; ngày 10/12/2016 (AL) tức ngày 07/01/2017 DL; ngày 08/06/2023 ông T và con gái ông T là chị P đến mượn số tiền 880.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng.

Bị đơn ông T và chị P thừa nhận có mượn tiền của nguyên đơn, và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hiện còn nợ số tiền vay là 974.963.000 đồng và đồng ý trả, đây là các tình tiết quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T và chị P chỉ không đồng ý trả lãi đối với số tiền nợ 880.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng mà nguyên đơn yêu cầu. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là có cơ sở chấp nhận vì: hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi suất nhưng tranh chấp về lãi suất nên yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 08/6/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện là có cơ sở chấp nhận theo quy

định tại Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 5, 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tiền lãi theo mức 0,83%/tháng từ ngày 08/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/01/2025, số tiền lãi được tính như sau: $880.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 138.532.500 \text{ đồng}$.

[3] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên toà; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay 974.963.000 đồng và tiền lãi theo mức 0,83%/tháng của số tiền vay 880.000.000 đồng từ ngày 08/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tổng cộng tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $974.963.000.000 \text{ đồng} + 138.532.500 \text{ đồng} = 1.113.495.500 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông T, chị P phải chịu 45.404.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 11.749.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009719 ngày 02-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430; Điều 440; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc B và ông Lâm Văn G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán” đối với ông Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tiểu P.

Buộc ông Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tiểu P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị Ngọc B và ông Lâm Văn G số tiền 974.963.000 đồng tiền gốc và 138.532.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.113.495.500 (một tỷ một trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn T, chị Phạm Thị Tiểu P phải liên đới chịu 45.404.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lâm Văn G và bà Phan Thị Ngọc B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà B số tiền 11.749.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009719 ngày 02-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cao Hùng